

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG LÁT
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HS-ST
Ngày: 06/7/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT TỈNH THANH HOÁ.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên toà: Bà: **Ngô Thị T** - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: **Hoàng Văn H** - Phó Giám đốc Bệnh viện Đa Khoa huyện
Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa

2. Bà: **Phan Thị M** - Phó Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ huyện Mường
Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Thư ký phiên toà: Bà: **Lê Thị H** - Thư ký Toà án

Đại diện VKSND: Ông: **Phạm Viết T** - Kiểm sát viên.

Ngày 17/6/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường lát, tỉnh Thanh Hóa đưa ra xét xử công khai, vụ án hình sơ thẩm thụ lý số: 20/2021/HSST ngày 10 tháng 5 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/HSST ngày 24 tháng 6 năm 2021. Đối với bị cáo:

Lương Văn K; Sinh năm 1990. Nơi cư trú: Bản Yên Thành, xã Yên Thắng, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa. Nghề nghiệp: Trồng trọt; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái. Trình độ văn hóa: 7/12.

Con ông: Lương Văn P, sinh năm 1964, con bà: Lê Thị Ó, sinh năm 1965. Vợ: Lò Thị P, sinh năm 1990. Con: Lương Văn K, sinh năm 2011. Nghề nghiệp: Học sinh. Hiện bố, mẹ, vợ và con của bị cáo đều làm nghề trồng trọt và cư trú tại: Bản Yên Thành, xã Yên Thắng, huyện Lang Chánh, Thanh Hóa

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 01/02/2021, tại Nhà tạm giữ Công an huyện Mường Lát. Có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Hà Thị D, sinh năm 1988, trú tại: Bản Na Tao, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt có lý do.

Người làm chứng: Ông Hơ Văn N, sinh năm 1970, trú tại: Bản Cơm, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Hà Văn L, sinh năm 1968 và Vi Văn Đ, sinh năm 1971, cùng trú tại: Bản Na Tao, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Ngọc K - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý số 1, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 15 giờ, ngày 08/12/2020, Tổ công tác Công an huyện Mường Lát phối hợp Công an xã Pù Nhi đang thực hiện nhiệm vụ tại khu vực bản Cơm, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, Thanh Hóa đã phát hiện tại nhà ông Hơ Văn N , sinh năm 1970 ở bản Cơm, xã Pù Nhi có tụ tập đông người, nghi vấn xảy ra hành vi vi phạm pháp luật. Tổ công tác tiến hành kiểm tra thì phát hiện trong nhà lúc này có ba người đàn ông đang thực hiện hành vi cưa, xẻ các khúc gỗ, tang vật liên quan là: một máy cưa bào cuốn và 54 (*năm mươi tư*) khúc gỗ, có hình dạng phức tạp, kích thước khác nhau, chưa xác định chủng loại gỗ. Làm việc với tổ công tác, những người liên quan lần lượt khai báo họ tên là: Lương Văn K , sinh năm 1990, HKTT: Bản Yên Thành, xã Yên Thắng, huyện Lang Chánh, Thanh Hóa; Hà Văn L , sinh năm 1968 và Vi Văn Đ , sinh năm 1971 cùng ở bản Na Tao, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Lương Văn K khai nhận, bản thân đang thuê nhà ông Hơ Văn N làm xưởng gỗ, 54 (*năm mươi tư*) khúc gỗ tang vật đều là gỗ Sa Mu do Lương Văn K mua với người dân địa phương, không có lý lịch gỗ hợp pháp. Hà Văn L và Vi Văn Đ khai nhận, bản thân đang được Lương Văn K nhờ làm giúp, không biết nguồn gốc gỗ. Sau đó, trong quá trình làm việc được sự vận động của Tổ công tác, Lương Văn K tự nguyện giao nộp thêm 12 (*mười hai*) khúc gỗ, có hình dạng phức tạp, kích thước khác nhau, không có nguồn gốc hợp pháp do bị cáo để tại nhà chị Hà Thị D , sinh năm 1988 ở bản Na Tao, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát và cho biết đây là gỗ Sa Mu, do bản thân thu mua trước đó. Tổ công tác đã lập biên bản vụ việc, tạm giữ các tang vật liên quan để xử lý theo quy định pháp luật.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát phối hợp Viện KSND huyện Mường Lát, Hạt kiểm lâm huyện Mường Lát và những người liên quan tiến hành kiểm tra, xác định sơ bộ về chủng loại, khối lượng gỗ tang vật. Kết quả bước đầu xác định 66 (*sáu mươi sáu*) khúc gỗ tang vật đã tạm giữ của bị cáo đều là gỗ Sa Mu dầu (là loại gỗ quý hiếm, nhóm IA), có tổng khối lượng 4.241 kg (*bốn nghìn hai trăm bốn mươi một kilogam*).

Ngày 11/01/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát ra Quyết định trưng cầu giám định số: 04/CSĐT, trưng cầu Viện nghiên cứu công nghiệp rừng thuộc Viện khoa học lâm nghiệp Việt Nam giám định xác định chủng loại, phân loại nhóm gỗ, tình trạng bảo tồn loài và xác định khối lượng gỗ tang vật. Tại Kết luận giám định số: 31/CNR-VP, ngày 18/01/2021 của Viện nghiên cứu công nghiệp rừng thuộc Viện khoa học lâm nghiệp Việt Nam kết luận:

1. Toàn bộ 66 (*sáu mươi sáu*) khúc gỗ, có hình dạng phức tạp, chưa xác định chủng loại (đã thu giữ từ Lương Văn K) đều là gỗ, tên Việt Nam là **Sa mu dầu**

(*Sa mộc dầu*), tên khoa học là *Cunninghamia konishii* Hayata.

2. Tình trạng bảo tồn:

- Loại gỗ Sa mu dầu (Sa mộc dầu) (*Cunninghamia konishii*) được xếp nhóm I trong “*Bảng phân loại tạm thời các loại gỗ sử dụng thống nhất trong cả nước*” ban hành kèm theo Quyết định số 2198-CNR ngày 26/11/1977 của Bộ Lâm nghiệp - nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Loài cây gỗ Sa mu dầu (Sa mộc dầu) (*Cunninghamia konishii*) thuộc nhóm IA trong “*Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm*” ban hành kèm theo Nghị định số: 06/2019/NĐ-CP, ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

- Loài cây gỗ Sa mu dầu (Sa mộc dầu) (*Cunninghamia konishii*) có tên trong “*Danh mục các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ*” ban hành kèm theo Nghị định số: 64/2019/NĐ-CP, ngày 16/7/2019 của Chính phủ về sửa đổi Điều 7 Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

3. Tổng số 66 (*sáu mươi sáu*) khúc gỗ, có hình dạng phức tạp (thu giữ từ Lương Văn Khánh), được cân có tổng khối lượng là 4.241kg (*bốn nghìn hai trăm bốn mươi một kilogam*) quy đổi thành 4,241m³ (*Bốn phẩy hai trăm bốn mươi một mét khối*) gỗ tròn.

Về nguồn gốc gỗ tang vật bị cáo khai mua của người dân địa phương không quen biết tại các bản của xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa trước ngày 08/12/2020 với giá 7.000đ/1kg (*bảy nghìn đồng*), mục đích mua về gia công làm các vật dụng gia đình .

Quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người làm chứng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số: 28/CT-VKS-ML ngày 10/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố bị cáo về tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” theo điểm k khoản 2 Điều 232 của Bộ luật hình sự.

Tranh luận và luận tội: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ: Điểm k khoản 2 Điều 232; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của BLHS.

Xử bị cáo, hình phạt chính: 30 đến 34 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Vật chứng: Tịch thu toàn bộ tang vật của vụ án là 66 khúc gỗ, hiện đang bảo quản tại Chi cục THADS huyện Mường Lát để bán sung công quỹ Nhà Nước.

Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến người bào chữa: Người bào chữa đồng tình với quan điểm truy tố của VKS về tội danh, điều luật áp dụng và khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ TNHS cho bị cáo. Người bào chữa cho rằng: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện Kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn, nên đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng mức án 24 đến 30 tháng tù, tạo điều kiện để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm được trở về với gia đình và xã hội, bản thân trở thành công dân có ích. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí cho bị cáo.

Bị cáo nhận tội, đồng tình với lời bào chữa, không thay đổi, bổ sung thêm gì làm thay đổi nội dung vụ án, không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức án thấp nhất của khung hình phạt để bị cáo sớm được về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] **Về hành vi, quyết định tố tụng:** Cơ quan điều tra Công an huyện Mường Lát, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Trợ giúp viên pháp lý là người bào chữa cho bị cáo và bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] **Chứng cứ xác định có tội của bị cáo:** Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, kết luận giám định và chứng cứ khác trong hồ sơ, đủ cơ sở khẳng định bị cáo tàng trữ **66** (*sáu mươi sáu*) khúc gỗ Sa Mu dầu (là loại gỗ quý hiếm, nhóm IA), có tổng khối lượng **4.241kg** (*bốn nghìn hai trăm bốn mươi một kilogam*) quy đổi thành **4,241m³** (*bốn phẩy hai trăm bốn mươi một mét khối*) gỗ tròn. Hành vi trên của bị cáo làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương và xâm phạm đến chế độ quản lý tài nguyên rừng của Nhà nước cần phải xử lý nghiêm để làm gương cho những ai có ý đồ phạm tội.

Xét Lời khai nhận tội của bị cáo thống nhất với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, đồng thời phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận: Bị cáo phạm tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm k khoản 2 Điều 232 của Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất của vụ án:

Đây là vụ án hình sự “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” do bị cáo thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm đến quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản của Nhà nước, gây mất trật tự trị an xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được rằng: Tàng trữ trái phép gỗ là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện nhằm mục đích cá nhân, cần xử lý nghiêm minh để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung, việc cách ly xã hội đối với bị cáo một thời gian là cần thiết.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo lần đầu phạm tội nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về hình phạt: Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nêu trên, căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, khi quyết định hình phạt cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt chính và miễn hình phạt bổ sung (phạt tiền) cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo, sớm trở thành người công dân tốt.

[6] Về vật chứng:

Đối với **66 (sáu mươi sáu)** khúc gỗ Sa Mu dầu (là loại gỗ quý hiếm, nhóm IA), có tổng khối lượng **4.241kg (bốn nghìn hai trăm bốn mươi một kilogam)** quy đổi thành **4,241m³ (bốn phẩy hai trăm bốn mươi một mét khối)** gỗ tròn, nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, tịch thu số gỗ nêu trên để nộp ngân sách Nhà nước.

Máy cưa, bào cuộn màu xanh rêu, có gắn logo Công ty TNHH cơ khí Đình Mộc, đã qua sử dụng. Quá trình điều tra, đủ căn cứ xác định đây là tài sản hợp pháp chị Hà Thị D , sinh năm 1988 ở bản Na Tao, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát đã trả lại tài sản cho chị Dưng theo quy định nên HĐXX không xem xét.

[7] Các vấn đề khác:

- Đối với Hơ Văn N ; Hà Văn L và Hà Thị D . Quá trình điều tra đủ căn cứ xác định, những người này không biết nguồn gốc gỗ trong vụ án do bị cáo mua, tàng trữ là không hợp pháp nên không xem xét xử lý.

- Vấn đề dân sự: Quá trình điều tra vụ án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu dân sự nên không xem xét giải quyết.

[8]. **Về án phí:** Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 260 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm k khoản 2 Điều 232; Điều 50; Điều 38; các điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Căn cứ: Khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm c khoản 1 Điều 47; Điều 6; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Căn cứ: Điều 331, Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên: Bị cáo Lương Văn K phạm tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”.

Xử phạt: Lương Văn Khánh **30 (ba mươi)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (01/02/2021).

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Vật chứng: Tịch thu, nộp ngân sách Nhà Nước **4,241m³** (*bốn phẩy hai trăm bốn mươi một mét khối*) gỗ tròn. Hiện đang bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát; Theo Quyết định chuyển vật chứng số 22/QĐ-VKS-ML ngày 10/5/2021 và Biên bản giao, nhận vật chứng số 37/2021/TV-CCTHADS ngày 11/5/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Lát và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát.

Án phí: Bị cáo được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Án xử công khai, có mặt bị cáo, người bào chữa, vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Người có QL&NVLQ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Phòng KTNV TAND tỉnh;
- VKSND huyện Mường Lát;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa
- Công an huyện Mường Lát;
- CQ THAHS Công an huyện M. Lát;
- CCTHADS huyện M.Lát;
- Sở Tư pháp Thanh Hoá;
- UBND Xã Yên Thắng, Lang Chánh;
- Bị cáo;
- Người có QL&NVLQ;
- Hồ sơ THA HS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Thị T

